

**DANH MỤC NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
TẠI HỌC VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

(Áp dụng theo Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06/06/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học)

STT	Tên (Lĩnh vực/Nhóm ngành/Ngành)	Mã số	Ghi chú
42	KHOA HỌC SỰ SỐNG		
4201	Sinh học		
1.	Động vật học	8420103	
2.	Thực vật học	8420111	
3.	Sinh học thực nghiệm	8420114	
44	KHOA HỌC TỰ NHIÊN		
4401	Khoa học vật chất		
4.	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	8440103	
5.	Vật lý chất rắn	8440104	
6.	Vật lý nguyên tử và hạt nhân	8440106	
7.	Hóa vô cơ	8440113	
8.	Hóa hữu cơ	8440114	
9.	Hóa phân tích	8440118	
10.	Hóa lý thuyết và hóa lý	8440119	
46	TOÁN VÀ THỐNG KÊ		
4601	Toán học		
11.	Toán giải tích	8460102	
12.	Đại số và lý thuyết số	8460104	
13.	Hình học và tô pô	8460105	
14.	Lý thuyết xác suất và thống kê toán học	8460106	
15.	Toán ứng dụng	8460112	
48	MÁY TÍNH VÀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN		
4801	Máy tính		
16.	Hệ thống thông tin	8480104	
5203	Kỹ thuật hóa học, vật liệu, luyện kim và môi trường		
17.	Kỹ thuật môi trường	8520320	
5204	Vật lý kỹ thuật		
18.	Vật lý kỹ thuật	8520401	

Danh sách gồm 18 ngành.